

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 4 - 2018

“V/v tranh chấp ly hôn
giữa chị *Lụa* và anh *Thơ*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thuý

2/ Ông Lương H Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07/3/2018 về tranh chấp: “xin ly hôn, nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 67/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/3/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Anh T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp H, P, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: **Nguyễn Thị Bé L**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp H, P, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Lụa trình bày:

1.1 Về hôn nhân: do mai mối của gia đình nên anh Trần Anh T và chị Nguyễn Thị Bé L quen nhau, sau khi tìm hiểu thì cả hai quyết định tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống với gia đình cha mẹ ruột của anh T khoảng 02 năm thì được cha mẹ cho ra ở riêng. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc vợ chồng thường xuyên cãi nhau nguyên nhân là do kinh tế

khó khăn, giữa anh T và chị L xảy ra mâu thuẫn, kể từ năm 2017 chị L về nhà cha mẹ ruột sinh sống và đi làm không quan tâm gì đến tình cảm vợ chồng. Nay do không còn tình cảm gì với chị L nên anh T yêu cầu Toà án chấp nhận cho ly hôn.

1.2 Về con chung: vợ chồng chung sống có một con chung tên Trần Quốc H, sinh năm 2009 hiện đang sinh sống với chị L, đồng ý cho vợ tiếp tục nuôi con, anh T cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

1.3 Về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét.

1.4 Nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án xem xét.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé L qua các bản tự khai và tại phiên toà trình bày: do mai mối của gia đình nên giữa chị L và anh T quen biết nhau. Sau khi tìm hiểu khoảng một tháng thì quyết định tiến tới hôn nhân vào năm 2006, đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống bên nhà cha mẹ chồng 02 năm, sau đó thì vợ chồng ra sống riêng cũng cấp nhà cha mẹ chồng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do khó khăn về tài chính, anh T đi làm ở Sài Gòn nhưng không gửi tiền về cho chị nuôi con, nên chị L có vay mượn tiền của người khác để nuôi con, cha mẹ ruột chị phải đứng ra trả thay cho chị, cha mẹ chồng điện thoại cho cha mẹ tôi chửi tôi không lo làm ăn mà mượn nợ ăn chơi và kêu rước tôi về dạy lại. Tôi điện thoại báo cho chồng biết thì chồng nói kêu về nhà cha mẹ ruột ở đi rồi anh về rước lại nhưng từ đó đến nay chồng tôi không rước tôi về mà lại gửi đơn xin ly hôn với tôi, tôi không được biết cho đến khi Toà án thông báo cho tôi về việc thụ lý vụ án. Nay anh T xin ly hôn tôi không đồng ý vì bản thân tôi không có lỗi gì hết, hiện tôi vẫn còn thương chồng, thương con.

Về con chung: có một con chung tên Trần Quốc H, sinh năm 2009, hiện chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con từ năm 2013 cho đến nay. Nếu Toà án chấp nhận việc ly hôn với anh T thì tôi xin được quyền nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng: anh Trần Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bé L, xét đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Anh T và chị Nguyễn Thị Bé L có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Toà án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L xuất phát từ chỗ kinh tế khó khăn, việc làm ăn không thuận lợi từ đó vợ chồng có cãi nhau dẫn đến bất đồng ý kiến, kể từ năm 2017 chị L và anh T không còn chung sống với nhau. Bản thân chị L cho rằng còn thương anh T nhưng không chịu về chung sống với anh T, cũng không đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh T kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L nên chấp nhận cho ly hôn theo yêu cầu của anh T.

[4] Về nuôi con chung: quá trình chung sống anh T và chị L có một con chung tên Trần Quốc H sinh năm 2009, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung đến trưởng thành và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành, anh T đồng ý nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[6] Về quyền chăm sóc giáo dục con chung: Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Trần Anh T theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Trường hợp quyền và lợi ích hợp pháp của con chung bị xâm hại, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét về tài sản chung.

[8] Về nợ chung: Đương sự khai không có, nên Tòa án không xem xét.

[9] Về án phí hôn nhân và án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Anh T về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Bé L.

1.1 Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Anh T với chị Nguyễn Thị Bé L.

1.2 Về nuôi con chung: giao con chung Trần Quốc H – sinh năm 2009 cho chị Nguyễn Thị Bé L trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho anh Trần Anh T theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Trường hợp quyền và lợi ích hợp pháp của con chung bị xâm hại, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.3 Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa anh T và chị L về việc anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Trần Quốc H tròn 18 tuổi.

1.3 Về chia tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

1.4 Về nợ chung: Đương sự khai không có, Tòa án không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Trần Anh T phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000771 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Anh T phía nộp số tiền 300.000 đồng.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung An;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đăng Khoa